

Bản án số: 66/2022/HS-PT
Ngày: 21-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2021/TLPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021, đối với các bị cáo Phạm Như T, Nguyễn Hoàng C, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Như T**, sinh ngày 24/11/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT: 354A/12 T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 98A Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Chi nhánh Công ty cổ phần Đại V; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Võ Thị T; Có vợ và 02 con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 18/02/2020 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Công M, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trung Nguyên, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng C**, sinh ngày 19/6/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT: 36/10 TX18, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV An Đông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị B; Có vợ và 02 con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sin Thoại K, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thoại Khánh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:* Công ty cổ phần Đại V, Địa chỉ trụ sở: 109 phố N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Bích H; Địa chỉ: 236/46 Đ, Phường 1x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019, vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1993; Địa chỉ: 766/68/14 C, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1996; Địa chỉ: 46/1 Đường số 26, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981; Địa chỉ: 75/39/5 Đường số 26, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đại V, có trụ sở chính tại 109 N, quận T, thành phố Hà Nội do ông Lê Văn T - Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật (sau đây viết tắt là Công ty Đại V); ngày 25/3/2019, Công ty Đại V đã bổ nhiệm Phạm Như T làm Trưởng Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào thực tế hoạt động của Chi nhánh Công ty Đại V; Giấy ủy quyền số 08/GUQ-DVI ngày 25/3/2019 và số 11/GUQ-DVI ngày 25/5/2019 và Quyết định số 56/DVI-QĐCN ngày 02/5/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Đại V ban hành, Phạm Như T có nhiệm vụ, quyền hạn: được ký các văn bản, giấy tờ giao dịch với ngân hàng và đàm phán, ký kết, thanh lý các hợp đồng bán hàng của chi nhánh; chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ tài sản, nhân lực, bảo quản và phát triển nguồn vốn và hoạt động của đơn vị; quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến điều động lao động, nghiệp vụ chuyên môn, kinh doanh của đơn vị; định kỳ gửi báo cáo tài chính, quỹ tiền mặt và hoạt động kinh doanh về Công ty Đại V. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2019 đến ngày 11/8/2019, Phạm Như T đã lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt của Công ty Đại V số tiền hơn 1.658.754.280 đồng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi của Phạm Như T trong việc lấy hàng hóa bán thu tiền sử dụng cá nhân (chiếm đoạt số tiền 684.284.000 đồng):

Ngày 21/05/2019 và ngày 20/7/2019, Phạm Như T chỉ đạo nhân viên Chi nhánh Công ty Đại V xuất kho bán 166 đồng hồ nước với giá 145.324.000 đồng

cho Cửa hàng Thanh Mai và bán 1.000 cái van cửa với giá 120.000.000 đồng cho Cửa hàng Bà Bắc (02 cửa hàng này có địa chỉ tại TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Theo yêu cầu của Phạm Như T, cửa hàng Bà Bắc và cửa hàng Thanh Mai đã chuyển tổng cộng 213.057.000 đồng vào tài khoản cá nhân Phạm Như T số 108869744795 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh TP.HCM. Sau đó, Phạm Như T đã rút tiền ra sử dụng và báo cáo với công ty là khách hàng đang nợ tiền hàng.

Vào các ngày 09, 10/4/2019 và các ngày 06, 21/5/2019, Phạm Như T chỉ đạo nhân viên Chi nhánh Công ty Đại V là ông Nguyễn Thành N xuất kho bán 1.620 van cửa và 100 đồng hồ nước với tổng trị giá 287.480.000 đồng cho Công ty TNHH Tân Tín Thành, địa chỉ thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, người nhận hàng tên Thuyết, Thịnh (không đầy đủ họ tên), số điện thoại là 0787079970. Phạm Như T chỉ đạo nhân viên gửi hàng qua xe khách và dặn nhà xe khi đến thành phố Vũng Tàu thì gọi cho anh Thuyết, anh Thịnh để giao hàng. Nhưng thực tế Công ty TNHH Tân Tín Thành và người tên Thuyết, Thịnh là do Phạm Như T tự nghĩ ra, số điện thoại nêu trên là của Phạm Như T. Khi nhà xe gọi điện đến số điện thoại 0787079970 để giao hàng, Phạm Như T đã yêu cầu nhà xe chở hàng đến bán cho cửa hàng Thanh Mai và cửa hàng Bà Bắc. Trước đó, Phạm Như T đã liên hệ 02 cửa hàng nêu trên và nói rằng Phạm Như T có nguồn hàng của các công trình xây dựng bị dư, cần thanh lý với giá rẻ hơn giá của Công ty Đại V và chào bán cho 02 cửa hàng này. Theo yêu cầu của Phạm Như T, hai cửa hàng đã chuyển tổng cộng 199.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân Phạm Như T nêu trên. Sau đó, Phạm Như T rút ra sử dụng chi tiêu, trả nợ và báo cáo với Công ty Đại V là khách hàng nợ tiền hàng. Trên các Biên nhận giao hàng, Phạm Như T tự ký tên, ghi tên Nguyễn Văn Thuyết và giao Biên nhận giao hàng cho kế toán.

Ngày 07/07/2019, Phạm Như T chỉ đạo nhân viên chi nhánh Công ty Đại V xuất kho bán 920 van cửa với trị giá 131.480.000 đồng cho Công ty TNHH Ngọc Lý theo Hợp đồng kinh tế số 010719 ngày 01/07/2019. Sau đó, Phạm Như T trực tiếp nhận hàng, chở đến bán cho Cửa hàng Bà Bắc và nhận tiền mặt 78.000.000 đồng để sử dụng cá nhân, Phạm Như T báo cáo Công ty Đại V là Công ty TNHH Ngọc Lý đang nợ tiền hàng. Trên Biên nhận giao hàng ghi người nhận tên Lê Văn Hùng, nhưng thực tế không có người này, mà do Phạm Như T tự nghĩ ra và ký tên, ghi tên Lê Văn Hùng, sau đó giao Biên nhận giao hàng cho kế toán.

Phạm Như T khai: Phạm Như T nhờ Nguyễn Hoàng C (bạn của Phạm Như T, Giám đốc Công ty TNHH MTV An Đông) tìm công ty quen ký hợp đồng giúp, nhưng Phạm Như T không nói cho ông Nguyễn Hoàng C biết mục đích lấy hàng công ty bán sử dụng. Phạm Như T gửi email mẫu hợp đồng cho ông Nguyễn Hoàng C, sau đó ông Nguyễn Hoàng C giao lại Hợp đồng đã được ký tên ông Bùi Việt Khánh và đóng dấu Công ty Ngọc Lý.

Ông Nguyễn Hoàng C khai: Phạm Như T nhờ ông Nguyễn Hoàng C tìm khách hàng quen để mở rộng thị trường và ông Nguyễn Hoàng C đã giới thiệu

Phạm Như T cho một người bạn tên Đức, quen với Công ty TNHH Ngọc Lý kinh doanh mặt hàng giống công ty Phạm Như T, mục đích để ông Đức giới thiệu Công ty TNHH Ngọc Lý cho Phạm Như T. Sau đó, ông Đức và Phạm Như T làm việc với nhau như thế nào thì ông Nguyễn Hoàng C không biết, ông Nguyễn Hoàng C không nhờ Công ty Ngọc Lý ký hợp đồng với Phạm Như T.

2. Hành vi của Phạm Như T rút tiền của Công ty Đại V để chiếm đoạt và hành vi giúp sức của Nguyễn Hoàng C:

Nguyễn Hoàng C - Giám đốc Công ty TNHH MTV An Đông là bạn học với Phạm Như T. Trong thời gian làm Trưởng Chi nhánh Công ty Đại V, Phạm Như T đã nhờ Nguyễn Hoàng C ký không Hợp đồng hợp thức hóa chứng từ để rút 608.056.280 đồng của Công ty Đại V. Vào các ngày 13, 17/6/2019 và ngày 16/7/2019, Phạm Như T chỉ đạo kế toán 03 lần chuyển khoản tổng cộng 608.056.280 đồng từ tài khoản của Chi nhánh Công ty Đại V vào tài khoản của Công ty TNHH MTV An Đông, với mục đích trả tiền mua máy nén khí của Công ty TNHH MTV An Đông, theo Hợp đồng kinh tế không số ngày 13/6/2019, hóa đơn GTGT số 0000147 ngày 13/6/2019 và số 0000170 ngày 17/06/2019. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Hoàng C đã rút ra 406.459.500 đồng giao lại cho Phạm Như T, còn lại 201 triệu đồng và 07% trị giá hóa đơn, Nguyễn Hoàng C giữ lại sử dụng. Trên thực tế, không có việc Phạm Như T mua máy nén khí của Công ty An Đông. Phạm Như T đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân, nhưng Phạm Như T báo cáo cho Công ty Đại V là đã bán máy nén khí và chưa thu được tiền bán hàng. Cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 13/6/2019, Phạm Như T ký Hợp đồng mua bán (không số) với Nguyễn Hoàng C - Giám đốc Công ty TNHH MTV An Đông (sau đây viết tắt là Công ty An Đông), nội dung Hợp đồng là Công ty An Đông bán máy nén khí cho Chi nhánh Công ty Đại V với tổng trị giá 207.179.500 đồng, Công ty An Đông đã xuất hóa đơn GTGT số 0000147 ngày 13/6/2019. Cùng ngày, Phạm Như T ký ủy nhiệm chi chuyển số tiền 207.179.500 đồng vào tài khoản của Công ty An Đông. Sau đó, Nguyễn Hoàng C chỉ giữ lại số tiền 14.502.530 đồng (tương ứng 7% trên tổng giá trị hóa đơn), số tiền còn lại thì chuyển cho Phạm Như T.

Lần 2: ngày 17/6/2019, Công ty An Đông xuất hóa đơn GTGT số 0000170 cho Chi nhánh Công ty Đại V, nội dung Công ty An Đông bán máy nén khí cho Công ty Đại V tổng trị giá 199.280.000 đồng. Ngày 19/6/2019, Phạm Như T ký ủy nhiệm chi chuyển số tiền 199.280.000 đồng vào tài khoản Công ty An Đông. Sau đó, Nguyễn Hoàng C chỉ giữ lại số tiền 13.949.600 đồng (tương ứng 7% trên tổng giá trị hóa đơn), số tiền còn lại thì chuyển cho Phạm Như T.

Lần 3: ngày 16/7/2019, Phạm Như T ký ủy nhiệm chi chuyển số tiền 201.596.780 đồng từ tài khoản Chi nhánh Công ty Đại V vào tài khoản Công ty An Đông, nội dung: thanh toán 70% tiền mua máy nén khí theo hợp đồng 16072019. Số tiền này, Nguyễn Hoàng C rút ra sử dụng, nhưng không ký hợp đồng, không xuất hóa đơn.

Phạm Như T khai: Phạm Như T và Nguyễn Hoàng C là bạn thân với nhau, biết Nguyễn Hoàng C có công ty riêng nên Phạm Như T nhờ ký hợp đồng, xuất hóa đơn (Phạm Như T sẽ trả 07% trị giá hóa đơn) để hợp thức hóa việc rút tiền của công ty. Lần chuyển tiền ban đầu, Phạm Như T nhờ Nguyễn Hoàng C ký hợp đồng, xuất hóa đơn, Phạm Như T không nói mục đích là lấy tiền công ty sử dụng. Lần chuyển tiền thứ hai, Phạm Như T nhờ ông Nguyễn Hoàng C xuất hóa đơn để hợp thức việc Phạm Như T mượn tiền công ty khoảng 1 tháng sẽ trả lại. Lần thứ ba, Phạm Như T nói Nguyễn Hoàng C xuất hóa đơn để giúp Phạm Như T lấy tiền công ty mục đích trả lại khoản tiền đã mượn của lần hai. Nhưng sau đó, Nguyễn Hoàng C không xuất hóa đơn lần chuyển tiền thứ ba và không giao lại tiền cho Phạm Như T.

Nguyễn Hoàng C khai: thực tế Công ty An Đông không bán máy nén khí cho Chi nhánh Công ty Đại V, Phạm Như T nhờ Nguyễn Hoàng C ký hợp đồng, xuất hóa đơn mục đích để tăng doanh số cho công ty, vì Phạm Như T mới về làm việc nên cần đạt chỉ tiêu kinh doanh do công ty đề ra, Phạm Như T nói với Nguyễn Hoàng C là sau khi tiền chuyển vào cho Công ty An Đông, Nguyễn Hoàng C sẽ rút ra giao lại cho Phạm Như T và Phạm Như T sẽ nộp lại cho kế toán Công ty Đại V. Do là bạn thân nên Nguyễn Hoàng C đồng ý giúp Phạm Như T. Số tiền chuyển lần 03 là Phạm Như T trả nợ cho Nguyễn Hoàng C nên Nguyễn Hoàng C không giao lại cho Phạm Như T (hiện Phạm Như T phủ nhận việc nợ tiền Nguyễn Hoàng C).

Như vậy, với sự giúp sức của Nguyễn Hoàng C thông qua việc Công ty An Đông ký hợp đồng không với Chi nhánh Công ty Đại V, xuất hóa đơn GTGT không có hàng, giúp sức cho Phạm Như T chiếm đoạt của Công ty Đại V số tiền 608.056.280 đồng. Trong đó có 230.048.910 đồng (bao gồm 07% trị giá hóa đơn) do Nguyễn Hoàng C giữ lại. Hiện nay, Nguyễn Hoàng C đã nộp lại 230.048.910 đồng để khắc phục hậu quả.

Đối với Phạm Như T, ngoài việc ký các hợp đồng không với Công ty An Đông để chiếm đoạt 608.056.280 đồng. Vào các ngày 23/7/2019, ngày 06/8/2019, ngày 07/8/2019 và 08/8/2019, Phạm Như T tiếp tục chỉ đạo kế toán, thủ quỹ chi 04 khoản tiền mặt tổng cộng 366.414.000 đồng, với mục đích mua máy nén khí. Phạm Như T trực tiếp nhận tiền và ký Phiếu chi tiền, nhưng thực tế không có việc mua máy nén khí mà Phạm Như T lấy tiền sử dụng cá nhân. Sau đó, Phạm Như T vẫn báo cáo với Công ty Đại V là Phạm Như T đã bán máy nén khí nhưng chưa thu được tiền.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Như T, Nguyễn Hoàng C đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên.

Vật chứng: số tiền 230.048.910 đồng, do Nguyễn Hoàng C nộp để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Đại V.

Tại bản cáo trạng số 520/CT-VKS-P3 ngày 29/10/2020, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Như T về tội “Tham ô tài sản”

theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Hoàng C về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 48 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Phạm Như T);

Căn cứ điểm a khoản 3 khoản 6 Điều 353, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C);

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017,

[1] Xử phạt bị cáo Phạm Như T 20 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2020.

Buộc bị cáo trả lại số tiền 1.378.705.370 đồng cho Công ty cổ phần Đại V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty cổ phần Đại V (theo biên lai thu số 0093542 ngày 26/01/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng C 07 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/3/2021, bị cáo Phạm Như T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/3/2021, bị cáo Nguyễn Hoàng C kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Như T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo trình bày, sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã chủ động ra Hà Nội tự thú với lãnh đạo công ty. Mặt khác, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm cho công ty 100.000.000 đồng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hoàng C thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo khai có ông nội là người có công với nước, được tặng thưởng

bằng khen và huy chương. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Bị cáo Phạm Như T với chức danh là Trưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại V tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2019 đến ngày 11/8/2019, bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt của Công ty Đại V số tiền 1.658.754.280 đồng. Bị cáo Nguyễn Hoàng C thông qua việc Công ty An Đông ký hợp đồng khống với Chi nhánh Công ty Đại V, xuất hóa đơn GTGT không có hàng để giúp cho bị cáo Phạm Như T chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Đại V số tiền 608.056.280 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Như T và Nguyễn Hoàng C về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 và điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Bị cáo Phạm Như T có khắc phục thêm 100.000.000 đồng, nhưng số tiền này là không lớn so với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Như T trình bày như sau: Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo Phạm Như T đã chủ động tự thú với lãnh đạo công ty, chủ động khai báo đồng phạm (là bị cáo Nguyễn Hoàng C). Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay thật sự khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng C trình bày: Bị cáo Nguyễn Hoàng C đơn thuần chỉ muốn giúp bị cáo Phạm Như T tăng doanh thu, không ý thức được hành vi phạm tội. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo Nguyễn Hoàng C có ông nội là người có công với nước, được tặng thưởng bằng khen, huy chương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Phạm Như T, Nguyễn Hoàng C đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Như T, Nguyễn Hoàng C làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về tội danh:

Đối với bị cáo Phạm Như T: Bị cáo được Tổng Giám đốc Công ty Đại V bổ nhiệm làm Trưởng chi nhánh của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi dụng chức vụ của mình, bị cáo Phạm Như T đã chỉ đạo nhân viên thuộc quyền xuất bán hàng hoá; cùng với Nguyễn Hoàng C lập hợp đồng mua bán hàng không, xuất hoá đơn và chiếm đoạt của Công ty Đại V tổng cộng 1.658.754.280 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Như T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C: Theo Bản kết luận điều tra, Cáo trạng, tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phạm Như T khai rằng, lần thứ nhất chiếm đoạt 207.179.500 đồng của Công ty, bị cáo không nói cho bị cáo Nguyễn Hoàng C biết mục đích của mình là nhờ Nguyễn Hoàng C ký hợp đồng để bị cáo rút tiền của Công ty, mà chỉ nói nhờ Nguyễn Hoàng C ký hợp đồng để tăng doanh thu, vì bị cáo mới vào làm việc. Bị cáo Nguyễn Hoàng C chỉ biết mục đích chiếm đoạt tiền của Phạm Như T ở lần thứ 2 và thứ 3 (tổng cộng 400.876.700 đồng). Do đó, cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hoàng C theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa chính xác. Mà chính xác là hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng C thuộc quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000 đồng).

[2.2] Về hình phạt:

Đối với bị cáo Phạm Như T: Sau khi xảy ra vụ việc, trước khi Công ty Đại V gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an và trước khi có quyết định khởi tố vụ án, vào ngày 11/8/2019, bị cáo Phạm Như T đã làm bảng tường trình gửi ông Lê Văn T (Tổng Giám đốc), bà Đoàn Lê Hằng (Giám đốc Tài chính) thừa nhận các sai phạm của mình, khai ra bị cáo Nguyễn Hoàng C. Như vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ý thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo Phạm Như T đã tác động gia đình bồi thường thêm cho Công ty Đại V 100.000.000 đồng (biên lai thu số 1569 ngày 20/01/2022 và biên lai thu số 1529 ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Như T, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C: Như phần trên đã nhận định, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự, có hình phạt từ 07 đến 15 năm tù. Bị cáo Nguyễn Hoàng C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Phạm Như T. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, bị cáo Nguyễn Hoàng C có ông nội tên Nguyễn Hồng có công với

nước, được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen và Huy chương. Mặt khác, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Do đó, cần áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán, quy định về nguyên tắc xử lý đối với tội tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Như T, Nguyễn Hoàng C là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm bồi thường:

Buộc bị cáo Phạm Như T tiếp tục bồi thường cho Công ty Đại V số tiền 1.278.705.370 đồng cho Công ty cổ phần Đại V.

Giao trả lại số tiền 100.000.000 đồng (theo biên lai thu số 1569 ngày 20/01/2022 và biên lai thu số 1529 ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) cho Công ty cổ phần Đại V.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Như T và Nguyễn Hoàng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Như T và Nguyễn Hoàng C. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Như T và Nguyễn Hoàng C phạm tội “Tham ô tài sản”.

[1.1] Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 353, các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Phạm Như T 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2020.

Tiếp tục giam bị cáo Phạm Như T để bảo đảm thi hành án.

[1.2] Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán, quy định về nguyên tắc xử lý đối với tội tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng C 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm bồi thường:

[2.1] Buộc bị cáo Phạm Như T tiếp tục bồi thường cho Công ty Đại V số tiền 1.278.705.370 (một tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm lẻ năm ngàn ba trăm bảy mươi) đồng cho Công ty cổ phần Đại V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Giao trả cho Công ty cổ phần Đại V 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà gia đình bị cáo Phạm Như T đã nộp, theo biên lai thu số 1569 ngày 20/01/2022 và biên lai thu số 1529 ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Như T và Nguyễn Hoàng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Lưu VP(3), HS(2). 24b, HQ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa